TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG
Bản án số: 149/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26-09-2023
"*V/v tranh chấp ly hôn*"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bảo

Các Hội thẩm N dân:

1. Ông Nguyễn Văn Mua
2. Bà Nguyễn Thị Sương

- Thư ký phiên tòa: Bà Sơn Thị Chanh Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình tham gia phiên toà: Không

Trong ngày 26 tháng 09 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 313/2023/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 06 năm 2023 về "*Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/08/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 151/2023/QĐST-DS, ngày 06/09/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Phan Ngọc T**, sinh năm 1997 (xin vắng)

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Tam Bình, Vĩnh Long.

- *Bị đơn*: Anh **Dương Hoàng N**, sinh năm 1997 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm C, Thị trấn D, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/09/2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phan Ngọc T trình bày:

Vào năm 2020 qua mai mối, chị và anh Dương Hoàng N có tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND Thị trấn D, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long ngày 07/06/2021.

Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống hạnh phúc kéo dài đến đầu năm 2022 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do thường xuyên bất đồng ý kiến, vợ chồng thường xuyên tranh cãi nhau làm cho cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, anh N thường hay ghen tuông vô cớ làm cho vợ chồng ngày càng không có tiếng nói chung. Dù đã cố gắng

vun đắp tình cảm vợ chồng nhưng chị nhận thấy tình cảm giữa chị và anh N không thể vun đắp được. Do vậy vợ chồng sống ly thân từ tháng 7/2022 cho đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Dương Hoàng N.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Dương Hoàng N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không trình bày.

Ngày 16/08/2023, nguyên đơn chị Phan Ngọc T có đơn xin vắng mặt, chị có ý kiến trình bày: Chị yêu cầu xin ly hôn với anh Dương Hoàng N. Về con chung: Không có. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài các yêu cầu trên, các đương sự không có yêu cầu nào khác và cũng không có cung cấp tài liệu, chứng cứ mới tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về pháp luật tố tụng:

Nguyên đơn chị Phan Ngọc T khởi kiện yêu cầu ly hôn nên đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về "*Ly hôn*"; bị đơn anh Dương Hoàng N cư trú tại Thị trấn D, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn chị Phan Ngọc T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt; bị đơn bị đơn anh Dương Hoàng N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử thống nhất đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về pháp luật nội dung:

[1]. *Về quan hệ hôn N*: Chị T và anh N qua mai mối rồi đi đến hôn N, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND Thị trấn D, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long ngày 07/06/2021 nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị Phan Ngọc T trình bày: Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống hạnh phúc kéo dài đến đầu năm 2022 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do thường xuyên bất đồng

ý kiến, vợ chồng thường xuyên tranh cãi nhau làm cho cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, anh N thường hay ghen tuông vô cớ làm cho vợ chồng ngày càng không có tiếng nói chung. Dù đã cố gắng vun đắp tình cảm vợ chồng nhưng chị nhận thấy tình cảm giữa chị và anh N không thể vun đấp được. Do vậy vợ chồng sống ly thân từ tháng 7/2022 cho đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Dương Hoàng N.

Xét thấy, quan hệ hôn N của vợ chồng phải được xây dựng trên cơ sở tình cảm tự nguyện, có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, vun đắp hạnh phúc, làm tròn quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, tuy nhiên hiện tại vợ chồng chị T, anh N đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Qua đó cho thấy hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn với anh N là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: "... *Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*".

[2]. *Về con chung của vợ chồng*: Chị Phan Ngọc T khai không có, anh Dương Hoàng N cũng chưa có văn bản nào trình bày về con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3]. *Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng*: Chị Phan Ngọc T khai không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Dương Hoàng N cũng chưa có văn bản nào trình bày về tài sản chung, nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4]. *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, 238, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của chị Phan Ngọc T được ly hôn với anh Dương Hoàng N.

[2]. *Về con chung của vợ chồng*: Chị Phan Ngọc T khai không có, anh Dương Hoàng N cũng chưa có văn bản nào trình bày về con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3]. *Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng*: Chị Phan Ngọc T khai không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Dương Hoàng N cũng chưa có văn bản nào trình bày về tài sản chung, nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4]. *Về án phí*: Chị Phan Ngọc T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số No 0011579 ngày 23/06/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Chị Phan Ngọc T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[6]. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Vĩnh Long*;
- *VKSND huyện Tam Bình*;
- *CCTHADS huyện Tam Bình*;
- *UBND Thị trấn D, huyện Tam Bình*;
- *Các đương sự*;
- *Lưu hồ sơ vụ án*.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Bảo